

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/KDTM-PT
Ngày: 31-8-2018
V/v tranh chấp kinh doanh
thương mại hợp đồng xây dựng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mỹ

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn
Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 28 và 31 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp kinh doanh thương mại hợp đồng xây dựng”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 184/2017/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2018 và theo Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 283/TB-TA ngày 13 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH S

Địa chỉ: Số 1856, tỉnh lộ 10, khu phố 1, phường T, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chung Quốc V – Chức vụ: Giám đốc

Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Lê L, sinh năm 1977. Địa chỉ: Số 11, lô E1, ấp P, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2015).

Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên thủy sản M

Địa chỉ: Lô II-1, khu A, khu công nghiệp S, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Trường S - Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H – Văn phòng luật sư Q – Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Người kháng cáo: Công ty TNHH một thành viên thủy sản M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty TNHH S trình bày:

Công ty TNHH MTV thủy sản M (gọi tắt là Công ty M) – người đại diện theo pháp luật ông Đỗ Trường S có thỏa thuận ký Hợp đồng số 0105 ngày 01/5/2014 về việc thi công sửa chữa, xây lắp công trình nhà máy M với Công ty TNHH S (gọi tắt là Công ty H).

Qua khảo sát ngày 20/4/2014 Công ty H có gửi bảng báo giá tổng hợp (thư điện tử) vật tư, tiền nhân công để thi công sửa chữa công trình nhà máy M. Nhưng qua tham khảo bảng báo giá tổng hợp thì giữa ông V với ông S điện thoại trao đổi trực tiếp thống nhất giá cả, vật tư, nhân công và thống nhất ngày 01/5/2014 tiến hành thi công công trình giá trị tạm tính 2.500.000.000 đồng, hồ sơ thiết kế kỹ thuật, giấy phép xây dựng công trình do Công ty M chịu trách nhiệm, hợp đồng bên Công ty M không ký tên đóng dấu.

Quá trình thực hiện phía Công ty M thanh toán tiền cho Công ty H như sau:

- Ngày 30/5/2014 số tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 12/6/2014 số tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 24/6/2014 số tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 18/7/2014 số tiền: 200.000.000 đồng.

- Ngày 01/8/2014 số tiền: 200.000.000 đồng.
- Ngày 11/8/2014 số tiền: 100.000.000 đồng.
- Ngày 09/10/2014 số tiền: 100.000.000 đồng.
- Ngày 15/9/2014 số tiền: 100.000.000 đồng.
- Ngày 01/11/2014 số tiền: 100.000.000 đồng.

Tổng cộng, Công ty M đã thanh toán cho Công ty H số tiền 1.400.000.000 đồng. Theo biên bản xác nhận khối lượng thực tế thi công đến ngày 31/12/2014 tổng số tiền 2.433.351.486 đồng. Như vậy, Công ty M còn nợ Công ty H 1.033.351.486 đồng.

Tuy nhiên, qua kết quả thẩm định giá trị sửa chữa xây dựng công trình nhà máy M của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng thuộc Sở xây dựng Đồng Tháp tổng giá trị sửa chữa xây dựng 1.991.288.000 đồng, Công ty H thống nhất kết quả thẩm định của Trung tâm kiểm định.

$$(1.991.288.000 \text{ đồng} - 1.400.000.000 \text{ đồng} = 591.288.000 \text{ đồng}).$$

Do đó, tại phiên toà sơ thẩm, Công ty H chỉ yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền nợ cải tạo, sửa chữa công trình nhà máy M 591.288.000 đồng và lãi phát sinh tạm tính từ ngày 09/01/2015 đến ngày 07/6/2017 là 28 tháng 28 ngày, mức lãi 1,125%/tháng, cụ thể:

$$591.288.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times (28 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) = 192.464.244 \text{ đồng}.$$

Tổng cộng vốn, lãi: 783.752.244 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của Công ty M thì Công ty H không đồng ý, vì khi các hạng mục công trình hoàn thành, nhưng chưa được tiến hành nghiệm thu bàn giao mà Công ty M đưa vào sử dụng và tại thời điểm sử dụng tháng 08/2014 phía Công ty M không có bất cứ phản ánh gì về các hạng mục không đảm bảo chất lượng. Sau khi sử dụng hơn 01 năm, thời điểm Công ty H khởi kiện tại Toà thì phía M mới có ý kiến các hạng mục trên không đảm bảo chất lượng, yêu cầu kiểm định. Công ty H đồng ý xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty M khi thanh toán tiền xong. Ngoài ra, không còn yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty TNHH một thành viên thủy sản M trình bày:

Giữa Công ty M với Công ty H có thỏa thuận miệng về thời gian sửa chữa, cải tạo nhà máy M, không có thiết kế bản vẽ, giấy phép xây dựng. Sau khi thỏa thuận Công ty H có gửi bảng báo giá, số hợp đồng 0105 cho Công ty M và ngày 01/05/2014 bắt đầu thi công. Trong quá trình thực hiện một số hạng mục công trình không đạt chất lượng như:

- Mác bê tông không đảm bảo chất lượng,
- Cột tháp nước bị nghiêng,
- Sàn một trệt một lầu, nền khu xưởng 1, xưởng 2 bị trũng.

Nên Công ty M yêu cầu Công ty H tạm ngừng để kiểm tra khối lượng, chất lượng công trình. Lúc này, Công ty M có báo với Công ty H về các hạng mục không đảm bảo chất lượng, yêu cầu khắc phục thì anh V nói làm phải có sơ xuất và không thực hiện. Việc Công ty M báo cho Công ty H chỉ là thông báo miệng, không có chứng cứ chứng minh.

Qua kết quả thẩm định giá trị sửa chữa xây dựng công trình nhà máy M của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng thuộc Sở xây dựng Đồng Tháp tổng giá trị sửa chữa xây dựng 1.991.288.000đ, Công ty M thống nhất kết quả thẩm định của Trung tâm kiểm định.

Công ty M thống nhất trình bày của Công ty H quá trình thực hiện Công ty M đã thanh toán tiền cho Công ty H tổng cộng 1.400.000.000 đồng (có chứng từ kèm theo). Như vậy, tổng giá trị sửa chữa xây dựng là 1.991.288.000 đồng - 1.400.000.000 đồng = 591.288.000 đồng.

Công ty M đồng ý trả số tiền 591.288.000 đồng khi Công ty H xuất hoá đơn giá trị gia tăng, không đồng ý trả lãi, vì hai bên chưa thống nhất số tiền phải trả cho các hạng mục đã thi công. Đồng thời, Công ty M yêu cầu phản tố đối với Công ty H bồi thường thiệt hại do sửa chữa hạng mục công trình nhà máy M không đảm bảo chất lượng số tiền 316.493.000 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, Công ty M rút một phần yêu cầu phản tố đối với chi phí giám định thiết kế số tiền 6.034.000 đồng, chỉ yêu cầu Công ty H bồi thường thiệt hại số tiền 310.459.000 đồng. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

Tại quyết định Bản án sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Toà án nhân dân thành phố S đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH S về việc yêu cầu Công ty TNHH MTV thủy sản M thanh toán số tiền vốn 591.288.000 đồng, lãi 192.464.244 đồng.

Buộc Công ty TNHH MTV thủy sản M thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền vốn 591.288.000 đồng, lãi 192.464.244 đồng.

Bác yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV thủy sản M về việc yêu cầu Công ty TNHH S bồi thường thiệt hại do sửa chữa các hạng mục công trình nhà máy M không đảm bảo chất lượng số tiền 310.458.952 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/6/2017 Công ty M có đơn kháng cáo, kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH MTV thủy sản M – Luật sư Huỳnh Thị Quỳnh H trình bày:

Công ty M không đồng ý và kháng cáo toàn bộ Bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S trên các căn cứ sau đây:

Về áp dụng pháp luật. Do là vụ án kinh doanh thương mại về tranh chấp hợp đồng xây dựng nên phải viện dẫn các quy định tại Luật thương mại 2005 để giải quyết chứ không thể áp dụng các quy định tại Điều 124, Điều 239, Điều 401, Điều 404 và Điều 405 của Bộ luật dân sự 2005 như trong Bản án đã tuyên.

Về việc Tòa án nhân dân thành phố S chấp nhận yêu cầu tính lãi 1,125 % /tháng đối với số tiền 591.288.000 đồng. Thời gian tính từ ngày 09/01/2015 đến ngày 07/6/2017 theo yêu cầu của Công ty H là không đúng. Vì trong quá trình sửa chữa Công ty H đã làm không đạt yêu cầu, không đảm bảo chất lượng công trình gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của Công ty M. Hơn nữa, giữa Công ty H và Công ty M chưa thống nhất số tiền phải trả cho các hạng mục phải thi công, không có Biên bản nghiệm thu và Công ty H không có xuất hóa đơn giá trị gia tăng.

Theo Điều 35 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng quy định thì Công ty H phải có trách nhiệm bảo hành công trình cho Công ty M trong thời gian 12 tháng và số tiền là 99.564.000 đồng Công ty M giữ lại để bảo hành tương đương 5% giá trị công trình (1.991.288.000 đồng x 5%). Công ty M đã trả được số tiền 1.400.000.000 đồng. Còn lại 591.288.000 đồng bao gồm cả số tiền bảo hành 99.564.000 đồng. Nhưng Bản án số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án thành phố S vẫn chấp nhận yêu cầu tính lãi đối với số tiền 99.564.000 đồng của Công ty H là không đúng.

Về yêu cầu phản tố trước đây Công ty M yêu cầu Công ty H bồi thường số tiền 310.459.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay căn cứ vào Bảng tổng hợp kinh phí dự toán ngày 12/12/2016 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng thi công công trình Nhà máy thủy sản M, Công ty M yêu cầu bồi thường số tiền để cải tạo sửa chữa các hạng mục là 224.659.000 đồng.

Đối với các thiệt hại về chi phí thuê mặt bằng, lương công nhân và tiền thuê xe cẩu tổng cộng số tiền là 85.800.000 đồng, tại phiên tòa hôm nay Công ty M không tiếp tục yêu cầu.

Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty H. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty M yêu cầu Công ty H phải bồi thường thiệt hại số tiền 224.659.000 đồng và buộc Công ty H phải chịu 1/2 chi phí giám định số tiền 42.333.500 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Huỳnh Lệ L trình bày:

Công ty H không đồng ý yêu cầu kháng cáo của Công ty M. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay đồng ý số tiền bảo hành công trình là 5% giá trị công trình theo lời trình bày của Công ty M. Nay, vẫn giữ yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền nợ cải tạo, sửa chữa công trình nhà máy M là 591.288.000 đồng; Trừ ra số tiền bảo hành 99.564.000 đồng (5% giá trị công trình) còn lại 491.724.000 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh tạm tính từ ngày 09/01/2015 đến ngày 07/6/2017 là 28 tháng 28 ngày, mức lãi suất 1,125%/tháng, cụ thể: $491.724.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times (28 \text{ tháng } 28 \text{ ngày}) = 160.056.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn, lãi là 751.344.000 đồng, không đồng ý yêu cầu phản tố của Công ty M vì khi các hạng mục công trình hoàn thành, nhưng chưa được tiến hành nghiệm thu bàn giao thì Công ty M đã đưa vào sử dụng, và tại thời điểm sử

dụng tháng 08/2014 phía Công ty M cũng không có bất cứ phản ánh gì về các hạng mục không đảm bảo chất lượng. Sau khi sử dụng hơn 01 năm, thời điểm Công ty H khởi kiện tại Toà thì phía Công ty M mới có ý kiến các hạng mục trên không đảm bảo chất lượng, yêu cầu kiểm định. Công ty H đồng ý xuất hoá đơn giá trị gia tăng cho Công ty M khi thanh toán tiền xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

Về chấp hành pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án. Đối với các đương sự, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71, 72 và chấp hành đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của bị đơn: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty M, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty H và Công ty M về việc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty H số tiền gốc là 591.288.000 đồng, buộc Công ty M phải chịu lãi đối với số tiền 491.724.000 đồng kể từ ngày 09/01/2015 đến ngày 07/6/2017 với lãi suất 1,125%/ tháng. Do cả hai Công ty đều có lỗi dẫn đến thiệt hại nên mỗi bên phải chịu 1/2 số tiền bồi thường thiệt hại và 1/2 số tiền chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Đơn kháng cáo của Công ty M trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Như vậy, đơn kháng cáo là hợp lệ.

[3]. Xét nội dung kháng cáo: Công ty M kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S, không chấp nhận trả lãi đối với số tiền Công ty M chưa thanh

toán cho Công ty H, yêu cầu Công ty H phải bồi thường thiệt hại số tiền 224.659.000 đồng và buộc Công ty H phải chịu 1/2 chi phí giám định số tiền 42.333.500 đồng.

[3.1]. Xét Hợp đồng xây dựng số 0105 ngày 01/5/2014 giữa Công ty H và Công ty M về cung cấp vật tư và thi công xây dựng, cải tạo công trình Nhà máy thủy sản M.

Cụ thể Công ty H thỏa thuận nhận sửa chữa cải tạo nhà máy M. Theo đó, Công ty H đã gửi hợp đồng xây dựng, bảng báo giá tổng hợp qua thư điện tử cho Công ty M. Vấn đề này phía Công ty M cũng thừa nhận trên thực tế người đại diện hợp pháp của hai bên có thỏa thuận và theo đó Công ty H có thi công cải tạo nhà máy M bắt đầu từ ngày 01/5/2014 và quá trình thực hiện Công ty M đã thanh toán tiền cho Công ty H nhiều lần, tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng. Như vậy, theo lời trình bày của các bên cho thấy việc thỏa thuận được thực hiện bởi chủ thể là người có đủ thẩm quyền, có đủ năng lực hành vi theo quy định của pháp luật và việc giao kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đồng thời, các bên đã có thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận.

Tại khoản 2 Điều 107 Luật xây dựng năm 2003 quy định: “*Hợp đồng trong hoạt động xây dựng được xác lập bằng văn bản*”. Tuy nhiên, Luật xây dựng năm 2003 không có quy định về các trường hợp vô hiệu đối với Hợp đồng xây dựng và Luật thương mại năm 2005 cũng không có quy định các trường hợp vô hiệu của hợp đồng thương mại. Do đó, phải căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét, qua đó nhận thấy việc thỏa thuận giữa Công ty H và Công ty M không rơi vào các trường hợp bị vô hiệu được quy định từ Điều 127 đến Điều 134 Bộ luật dân sự năm 2005, mặc khác theo quy định tại khoản 2 Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: “*Hợp đồng không bị vô hiệu trong trường hợp có vi phạm về hình thức, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác*”. Do đó, xác định sự thỏa thuận giữa Công ty H và Công ty M về việc sửa chữa cải tạo nhà máy M là có giá trị pháp lý, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[3.2]. Xét việc Công ty H yêu cầu Công ty M thanh toán số tiền 591.288.000 đồng. Do giữa hai bên đã thống nhất giá trị xây dựng công trình cải tạo sửa chữa nhà máy M tổng số tiền 1.991.288.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền đã thanh toán 1.400.000.000 đồng còn lại 591.288.000 đồng Công ty M

đồng ý thanh toán cho Công ty H, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

[3.3]. Xét việc Công ty H yêu cầu Công ty M thanh toán lãi đối với 491.724.000 đồng đồng kể từ ngày 09/01/2015 đến ngày 07/6/2017 với lãi suất 1,125%/ tháng số tiền 160.056.000 đồng.

Việc Công ty M cho rằng vì từ trước đến nay giữa hai bên không có Biên bản nghiệm thu, Công ty H cũng không có xuất hóa đơn giá trị gia tăng và theo Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình Nhà máy thủy sản M ngày 22/6/2018 xác định công trình không đạt chất lượng là do lỗi của bên thi công nên nay Công ty M không thống nhất đối với yêu cầu tính lãi của Công ty H. Lập luận như trên của Công ty M là không có cơ sở, bởi lẽ vào ngày 31/12/2014, giữa Công ty M và Công ty H đã có xác nhận khối lượng thực tế thi công và hai bên cũng đã thống nhất giá trị xây dựng công trình cải tạo sửa chữa nhà máy M 1.991.288.000 đồng. Ngoài ra, trên thực tế Công ty M đã bắt đầu sử dụng các hạng mục từ tháng 8/2014. Mặt khác, phía Công ty M cho rằng có báo với Công ty H về các hạng mục không đảm bảo chất lượng và yêu cầu khắc phục nhưng phía Công ty H không chấp nhận. Về phía Công ty H không thừa nhận có sự việc như trên và Công ty M cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại năm 2005 thì Công ty M có trách nhiệm phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Như vậy, việc Công ty H yêu cầu Công ty M trả lãi đối với số tiền 491.724.000 đồng kể từ ngày 09/01/2015 đến ngày 07/6/2017 là có cơ sở để chấp nhận.

Về mức lãi suất, do tại phiên tòa phúc thẩm hai bên đã thống nhất áp dụng mức 1,125%/ tháng nếu có tính lãi, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của Công ty H đối với số tiền 491.724.000 đồng kể từ ngày 09/01/2015 đến ngày 07/6/2017, mức lãi suất là 1,125%/ tháng, thành tiền là 160.056.000 đồng.

[3.4]. Xét yêu cầu phản tố của Công ty M yêu cầu Công ty H bồi thường chi phí khắc phục sửa chữa hư hỏng là 224.659.000 đồng.

Theo đó, phía Công ty H không đồng ý đối với yêu cầu trên vì cho rằng theo Hợp đồng số 0105 ngày 01/5/2014, thời gian bắt đầu thi công cùng ngày

01/5/2014 và bàn giao công trình ngày 30/11/2014. Tuy nhiên, phía Công ty M tự ý đưa các hạng mục công trình đã được sửa chữa xong sử dụng vào tháng 8/2014, thời điểm này các hạng mục công trình chưa được bàn giao theo thỏa thuận hợp đồng và quá trình sử dụng Công ty M cũng không có ý kiến gì với Công ty H về hạng mục công trình không đảm bảo chất lượng. Về phía Công ty M cho rằng khi phát hiện các hạng mục công trình không đạt chất lượng thì có báo với Công ty H nhưng chỉ là báo miệng, không có chứng cứ chứng minh.

Xét thấy, căn cứ vào Điều 303 Luật thương mại năm 2005 quy định: “*Trừ các trường hợp miễn trách nhiệm quy định tại Điều 294 của Luật này, trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh khi có đủ các yếu tố sau đây:*

1. Có hành vi vi phạm hợp đồng;
2. Có thiệt hại thực tế;
3. Hành vi vi phạm hợp đồng là nguyên nhân trực tiếp gây ra thiệt hại.”

Đồng thời, căn cứ vào Báo cáo kết quả giám định chất lượng công trình ngày 22/6/2018 của Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng đối với công trình Nhà máy thủy sản M đã xác định chất lượng bê tông không đạt yêu cầu, nhưng do hai bên không thỏa thuận rõ ràng về vấn đề này khi giao kết hợp đồng và vật liệu xây dựng là do bên phía Công ty M bảo quản nên không thể xác định lỗi thuộc về ai. về phần tháp nước bị nghiêng lệch theo kết quả giám định là do kỹ thuật thi công chưa chính xác.

Bên cạnh đó, căn cứ theo quy định của Luật xây dựng năm 2003 và Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 về quản lý chất lượng công trình xây dựng, xét thấy các bên đều có lỗi trong việc không thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định, cụ thể:

Về phía Công ty M (Chủ đầu tư): Không thực hiện Thiết kế bản vẽ thi công.

Về phía Công ty H (Đơn vị thi công): Không thí nghiệm kiểm tra vật liệu, cấu kiện, vật tư, thiết bị công trình, thiết bị công nghệ trước khi xây dựng và lắp đặt vào công trình xây dựng theo tiêu chuẩn và yêu cầu thiết kế; Không lập và kiểm tra thực hiện biện pháp thi công, tiến độ thi công; Không lập và ghi nhật ký thi công xây dựng công trình; Không lập bản vẽ hoàn công.

Như vậy, hành vi vi phạm dẫn đến thiệt hại xảy ra là thuộc về cả hai bên. Do đó, mỗi bên phải chịu 1/2 số tiền thiệt hại.

Căn cứ vào Bảng tổng hợp kinh phí dự toán ngày 12/12/2016 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng xác định chi phí cải tạo sửa chữa các hạng mục công trình Nhà máy thủy sản M số tiền 224.659.000 đồng.

Từ những nhận định như đã nêu trên, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty M, buộc Công ty H phải bồi thường thiệt hại 1/2 chi phí cải tạo sửa chữa các hạng mục công trình Nhà máy thủy sản M số tiền là 112.329.500 đồng.

[3.5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Do Công ty M có trách nhiệm phải thanh toán cho Công ty H số tiền gốc 591.288.000 đồng và lãi 160.056.000 đồng; Đồng thời, bị bác yêu cầu đối với số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại là 112.329.500 đồng nên Công ty M phải chịu số tiền án phí 37.910.000 đồng.

Do Công ty H có trách nhiệm thanh toán chi phí bồi thường thiệt hại cho Công ty M số tiền 112.329.500 đồng, nên Công ty H phải chịu tiền án phí là 5.616.000 đồng.

[3.6]. Về chi phí giám định số tiền là 84.667.000 đồng, Công ty M yêu cầu Công ty H có trách nhiệm phải chịu 1/2 chi phí giám định.

Do cả hai bên đều có lỗi gây ra thiệt hại như đã nhận định tại tiểu mục [3.4] nên việc Công ty M yêu cầu Công ty H phải chịu 1/2 chi phí giám định là có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty M, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty H và Công ty M về việc Công ty M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty H số tiền gốc là 591.288.000 đồng. Chấp nhận yêu cầu của Công ty H, buộc Công ty M phải thanh toán lãi đối với số tiền 491.724.000 đồng kể từ ngày 09/01/2015 đến ngày 07/6/2017 với lãi suất 1,125%/ tháng, thành tiền là 160.056.000 đồng. Chấp nhận Công ty M có trách nhiệm chịu 1/2 chi phí giám định.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty M, buộc Công ty H bồi thường 1/2 thiệt hại do sửa chữa các hạng mục công trình nhà máy M không đảm bảo chất lượng số tiền 112.329.500 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của Công ty M, buộc Công ty H phải chịu 1/2 chi phí giám định. Do Công ty M đã tạm ứng và đã chi xong toàn bộ chi phí giám định nên Công ty H phải thanh toán cho Công ty M 1/2 chi phí giám định số tiền 42.333.500 đồng.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Do Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S nên Công ty M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 107 Luật xây dựng năm 2003; Điều 303 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005; Điều 127, Điều 128, Điều 129, Điều 130, Điều 131, Điều 132, Điều 133, Điều 134 và khoản 2 Điều 401 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 1 Điều 48 Nghị Quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Khoản 4 và khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH MTV Thủy sản M; Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 07/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty TNHH S với Công ty TNHH MTV thủy sản M về việc Công ty TNHH MTV thủy sản M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền gốc là 591.288.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH S yêu cầu Công ty TNHH MTV thủy sản M thanh toán số tiền lãi 160.056.000 đồng.

Buộc Công ty TNHH MTV thủy sản M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S số tiền lãi 160.056.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH MTV thủy sản M về số tiền bồi thường thiệt hại.

Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH MTV thủy sản M do sửa chữa các hạng mục công trình Nhà máy thủy sản M không đảm bảo bảo chất lượng, số tiền 112.329.500 đồng.

Công ty TNHH S cùng Công ty TNHH MTV thủy sản M, mỗi bên phải chịu 1/2 chi phí giám định. Công ty TNHH MTV thủy sản M đã tạm ứng và đã chi xong. Buộc Công ty TNHH S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH MTV thủy sản M 1/2 chi phí giám định số tiền 42.333.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí:

Công ty TNHH MTV thủy sản M phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.910.000 đồng. Nhưng được khấu trừ vào tổng số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH MTV thủy sản M đã nộp là 9.913.000 đồng theo các Biên lai thu số 06215 ngày 09/11/2016, số 06452 ngày 28/02/2017 và số 13693 ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Công ty TNHH MTV thủy sản M còn phải nộp thêm 27.997.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty TNHH S phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.616.000 đồng. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH S đã nộp là 24.500.000 đồng theo Biên lai thu số 023536 ngày 22/01/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Công ty TNHH S còn được nhận lại 18.884.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Công ty TNHH MTV thủy sản M không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND TP. S;
- Cục THADS tỉnh;
- Chi cục THADS TP. S;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, THC (L).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mỹ